TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tôn Thiết

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Hiện nay tạm trú: Đội 9, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 20/4/2011 trước khi cưới có tìm hiểu, cưới có đăng ký tại UBND xã B, cưới xong chị về ở chung với gia đình anh Đ tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Trong quá trình chung sống do vợ chồng sống với nhau lâu ngày nhưng không có con, lúc đầu anh Đ cho rằng lý do không có con là do chị sau đó vợ chồng đưa nhau đi

khám thì phát hiện nguyên nhân không có con là do anh Đ. Sau đó anh Đ chuyển sang uống thuốc nam một thời gian thì bị bệnh suy thận, năm 2013 chị đi lao động tại Malaysia một năm đầu tình cảm vợ chồng vẫn bình thường chị có gửi tiền về cho anh chữa bệnh. Hai năm về sau thì anh Đ ghen tuông nghi ngờ chị có quan hệ trai gái nên vợ chồng sẩy ra nói nhau, nhưng chị không có quan hệ trai gái năm 2018 chị về nước có đến nhà anh Đ nói chuyện về việc của vợ chồng sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2013. Hiện nay anh Đ phải đi chạy thận nhân tạo (một tuần 03 lần), nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2019 anh Đ trình bày: Anh thừa nhận chị T khai đúng về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, anh chị sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì sẩy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống với nhau nhiều năm nhưng không có con. Sau đó anh có đi chữa bệnh ở nhiều nơi nhưng không có kết quả, vì anh uống thuốc nam nên bị suy thận nay phải chạy thận nhân tạo (một tuần 03 lần) nên chị T không muốn ở với anh. Năm 2013 chị T đi lao động tại Malaysia đến khi chị T về thì không về nhà anh ở mà về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, thành phố V. Chị T khai năm 2018 chị về nước có đến nhà anh nói chuyện của vợ chồng là không đúng, thời gian gần đây chị T có gọi điện cho anh nói về chuyện của vợ chồng không nói đến việc ly hôn. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh không muốn ly hôn, mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về Đ tụ vì anh bệnh tật, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T anh Đ thừa nhận không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị T khai không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức chị T khai: Chị có 02 năm ở chung với gia đình anh Đ, trong thời gian này không mua sắm kiến thiết gì ly hôn chị tự nguyện không yêu cầu gì về công sức lao động.

Về tài sản chung anh Đ khai: Vợ chồng không có tài sản gì và không ai có tài sản riêng.

Về công nợ anh Đ khai: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay tài sản gì.

Về đất canh tác anh Đ khai: Vợ chồng không có đất canh tác.

Về công sức anh Đ khai: Chị T có 02 năm ở chung với gia đình anh trong thời gian này không mua sắm kiến thiết gì ly hôn không có gì giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị T anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Tạ Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Đ theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh Đ đã có lời khai vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị Tạ Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do vợ chồng sống với nhau lâu năm không có con nên tình cảm lạnh nhạt dần, mặt khác anh Đ lại bị suy thận phải chạy thận nhân tạo từ đó chị T đâm chán nản. Năm 2013 chị T đi lao động ở nước ngoài đến năm 2018 chị về nước thì về nhà bố mẹ đẻ ở, bản thân anh Đ xin Đ tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị Tạ Thị T anh Nguyễn Văn Đ không có con chung.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Tạ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Tạ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002236 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình